TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thìn

Ông Trương Thanh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toản - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thuỵ Phương T, sinh năm 1978; quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có mặt)

**** Bị đơn:*** Ông Dương Quang T, sinh năm 1960; giới tính: Nam; quốc tịch: Hoa Kỳ; số hộ chiếu: xxxxxxx44 do Cơ quan Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ cấp ngày 17/8/2018; nơi cư trú: Y.Ave, Stanton, CA xxx80, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T trình bày:

Bà T và ông Dương Quang T tự nguyện kết hôn, có đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2018 ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, bà và ông T sống chung với nhau khoảng 01

tháng tại khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, sau đó ông T trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Đến năm 2019 ông T có trở lại Việt Nam thăm bà T khoảng 01 tháng và từ đó đến nay ông T không về Việt Nam thăm bà T, hai vợ chồng cũng không còn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau nên bà T không còn tình cảm với ông T, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Dương Quang T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Quang T:

Quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện các thủ tục uỷ thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền để tống đạt các văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn ông Dương Quang T. Tại Công văn số 1057/BTP-PLQT ngày 22/4/2024 của Bộ Tư pháp thông báo về kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp, tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Dương Quang T vào ngày 12/02/2024 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng ông T. Tuy nhiên, đến nay Toà án vẫn không nhận được tài liệu, chứng cứ hay văn bản nêu ý kiến của ông Dương Quang T liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà T.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T, xử cho bà Huỳnh Thuỵ Phương T được ly hôn với ông Dương Quang T; về con chung, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T có địa chỉ thường trú tại khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, yêu cầu ly hôn ông Dương Quang T, quốc tịch Hoa Kỳ; số hộ chiếu xxxxxxx44 do Cơ quan Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ cấp ngày 17/8/2018; nơi cư trú: Y.Ave, Stanton, CA xxx80, Hoa Kỳ nên đây

là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 và điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Dương Quang T đã được Toà án tiến hành thủ tục uỷ thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Dương Quang T. Vì vậy, thủ tục tống đạt cho ông Dương Quang T là hợp lệ. Tại phiên toà, ông Dương Quang T vắng mặt không lý do. Đây là phiên toà lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Quang T theo quy định tại các điều 227, 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thuỵ Phương T và ông Dương Quang T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2018 ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T, ông T chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó ông T trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, khoảng cách địa lý xa xôi nên dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách; bà T và ông T không còn liên lạc, quan tâm đến nhau.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không còn sống chung với nhau và cũng không còn liên lạc, quan tâm, lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận cho bà Huỳnh Thuỵ Phương T được ly hôn ông Dương Quang T.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu của một bên do nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T khởi kiện nên bà T phải chịu toàn bộ án phí theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về chi phí uỷ thác tư pháp: Nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T phải

chịu chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài đối với thủ tục tố tụng và chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài đối với Bản án theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà Huỳnh Thuỵ Phương T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng khác cho hồ sơ uỷ thác tư pháp và không yêu cầu nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228, 271, 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T.

Bà Huỳnh Thuỵ Phương T được ly hôn ông Dương Quang T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thuỵ Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019945 ngày 03/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (do ông Nguyễn Thế A nộp thay).

4. Chi phí uỷ thác tư pháp: Bà Huỳnh Thuỵ Phương T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005352 ngày 20/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

5. Chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thuỵ Phương T phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí dịch thuật; 95 (chín mươi lăm) USD chi phí thực tế tống đạt giấy tờ uỷ thác tư pháp và lệ phí chuyển tiền 415.694 (bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp và bà T đã thực hiện xong.

6. Chi phí uỷ thác tống đạt Bản án sơ thẩm: Bà Huỳnh Thuỵ Phương T phải tiếp tục nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước; nộp số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng chi phí dịch thuật và 95 (chín mươi lăm) USD chi phí thực tế tống đạt giấy tờ uỷ thác tư pháp (nộp theo thông báo của Toà án).

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thuỵ Phương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Dương Quang T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND thị xã B, tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Ninh